

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

QUY TRÌNH

CẬP NHẬT, CÔNG KHAI THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRÊN CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Mã số QT.VP.06

Lần ban hành 09

Năm ban hành 2022

	Người soạn thảo	Người kiểm tra	Người phê duyệt
Họ và tên	Đỗ Quang Thái	Nguyễn Thị Kiều Nguyệt	Nguyễn Danh Huy
Chức vụ	Chuyên viên chính	Phó Chánh Văn phòng	Thứ trưởng
Ký tên			

NƠI NHẬN (ghi rõ nơi nhận rồi đánh dấu X ô bên cạnh)

X	Bộ trưởng	X	Thứ trưởng
X	Vụ Kế hoạch - Đầu tư	X	Vụ Tài chính
X	Vụ Kết cấu hạ tầng giao thông	X	Vụ Vận tải
X	Vụ Pháp chế	X	Vụ Khoa học - Công nghệ và Môi trường
X	Vụ Hợp tác quốc tế	X	Vụ Tổ chức cán bộ
X	Vụ Quản lý doanh nghiệp	X	Văn phòng Bộ
X	Thanh tra Bộ		

THEO DÕI TÌNH TRẠNG SỬA ĐỔI (tình trạng sửa đổi so với bản trước đó)

Trang	Hạng mục sửa đổi	Tóm tắt nội dung sửa đổi
2	Nơi nhận	Sửa các cơ quan, đơn vị ở phần nơi nhận theo Nghị định số 56/2022/NĐ-CP ngày 24/8/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải
3	Căn cứ pháp lý	Bổ sung Nghị định số 56/2022/NĐ-CP ngày 24/8/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải

I. MỤC ĐÍCH

Để thực hiện theo đúng quy định liên quan đến công tác kiểm soát thủ tục hành chính tại các Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ và Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Quy định thống nhất trình tự thực hiện việc cập nhật, công khai nội dung thủ tục hành chính, Quyết định công bố trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính.

II. PHẠM VI ÁP DỤNG

- Quy trình này áp dụng đối với cán bộ công chức của Phòng Kiểm soát thủ tục hành chính (Văn phòng Bộ) trong việc cập nhật, công khai nội dung thủ tục hành chính, Quyết định công bố trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính.

III. CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Nghị định số 56/2022/NĐ-CP ngày 24/8/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

- Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

- Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan kiểm soát thủ tục hành chính;

- Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

IV. THUẬT NGỮ, ĐỊNH NGHĨA VÀ VIẾT TẮT

4.1. Thuật ngữ, định nghĩa

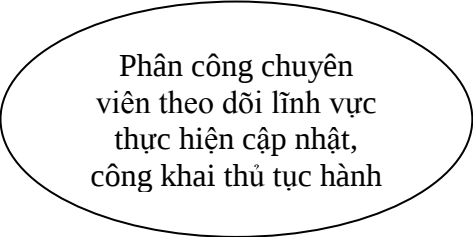
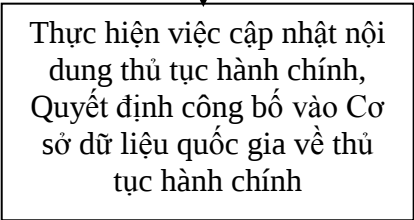
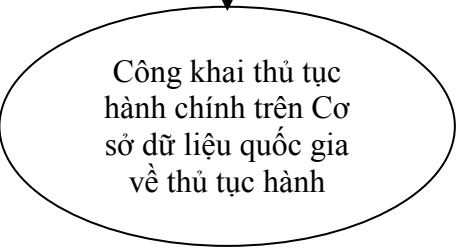
– Không có.

4.2. Chữ viết tắt

–Không có.

V. NỘI DUNG

Sơ đồ quá trình cập nhật, công khai thủ tục hành chính

Người thực hiện	Quá trình thực hiện	Mô tả, Biểu mẫu
Trưởng phòng Kiểm soát thủ tục hành chính (Văn phòng Bộ)		5.1 Quyết định công bố sau khi được ký, ban hành Trưởng phòng Kiểm soát thủ tục hành chính giao nhiệm vụ cho chuyên viên của Phòng thực hiện việc nhập và đăng tải dữ liệu thủ tục hành chính theo quy định.
Chuyên viên Phòng Kiểm soát thủ tục hành chính (Văn phòng Bộ)		5.2 Chuyên viên được phân công theo dõi lĩnh vực thực hiện: – Đăng nhập vào Cơ sở dữ liệu quốc gia theo tài khoản do Cục Kiểm soát thủ tục hành chính thuộc Văn phòng Chính phủ cung cấp; – Nhập các thủ tục hành chính đã được cấp có thẩm quyền công bố theo quy định của pháp luật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia và kết nối với các văn bản quy phạm pháp luật có quy định thủ tục hành chính được đăng tải trên Công báo điện tử của Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (sau đây gọi tắt là Công báo điện tử) hoặc Cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản quy phạm pháp luật; – Nhập Quyết định công bố vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính.
Trưởng phòng Kiểm soát thủ tục hành chính (Văn phòng Bộ)		5.3 Trưởng phòng Kiểm soát thủ tục hành chính thực hiện: – Kiểm tra, rà soát, đối chiếu để đảm bảo tính đầy đủ, chính xác của dữ liệu thủ tục hành chính đã được nhập vào Cơ sở dữ liệu quốc gia với thủ tục hành chính tại Quyết định công bố thủ tục hành chính; - Tích công khai thủ tục hành chính đã cập nhật trên Cơ sở dữ liệu quốc gia;

		- Thời hạn chậm nhất là 10 ngày làm việc kể từ ngày ký quyết định công bố của Bộ trưởng; 02 ngày làm việc kể từ ngày ký quyết định công bố thủ tục hành chính trong văn bản quy phạm pháp luật được ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn có hiệu lực kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành.
--	--	--

VI. HỒ SƠ

- Không có.

VII. PHỤ LỤC

- Không có.